

Số: *27* /2020/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày *29* tháng *10* năm 2020

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang

1. Vùng nước cảng biển Khánh Hòa thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa bao gồm các vùng nước sau:

- a) Vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Vân Phong;
- b) Vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Nha Trang;
- c) Vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Cam Ranh;
- d) Vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại Trường Sa.

2. Vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang.

Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa và vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang

Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang tính theo mực nước thủy triều lớn nhất được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Khánh Hòa:

- a) Phạm vi vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Vân Phong:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự VP1, VP2 và VP3 có tọa độ sau đây:

VP1: $12^{\circ}33'36,0''\text{N}$, $109^{\circ}26'00,0''\text{E}$ (mũi Gành-phía Nam bán đảo Hòn Gốm);

VP2: $12^{\circ}28'00,0''\text{N}$, $109^{\circ}26'00,0''\text{E}$;

VP3: $12^{\circ}24'00,0''\text{N}$, $109^{\circ}20'30,0''\text{E}$ (mũi Bàn Thang).

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm VP1 (mũi Gành) chạy dọc theo đường bờ biển phía Tây của bán đảo Hòn Gốm lên phía Bắc qua mũi Cô Cổ, mũi Đa Sơn và dọc theo đường bờ biển đến cực Bắc của vũng Bến Gôi, chạy men theo đường bờ biển của các xã thuộc huyện Vạn Ninh qua mũi Hòn Giang, mũi Hòn Khôi tới điểm VP3 (mũi Bàn Thang).

b) Phạm vi vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Nha Trang:

Ranh giới về phía biển:

Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự NT1, NT2, NT3 và NT4 có tọa độ sau đây:

NT1: $12^{\circ}14'14,0''\text{N}$, $109^{\circ}16'00,0''\text{E}$ (mũi Ba Cơ - Bắc Hòn Tre);

NT2: $12^{\circ}16'00,0''\text{N}$, $109^{\circ}13'42,0''\text{E}$;

NT3: $12^{\circ}16'00,0''\text{N}$, $109^{\circ}13'04,0''\text{E}$ (hòn Cút Chim);

NT4: $12^{\circ}12'58,0''\text{N}$, $109^{\circ}12'32,0''\text{E}$ (Trường Tây, phường Vĩnh Nguyên).

Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự NT5, NT6 và NT7 có tọa độ sau đây:

NT5: $12^{\circ}09'17,0''\text{N}$, $109^{\circ}13'21,0''\text{E}$;

NT6: $12^{\circ}09'17,0''\text{N}$, $109^{\circ}16'48,0''\text{E}$;

NT7: $12^{\circ}11'03,0''\text{N}$, $109^{\circ}16'48,0''\text{E}$.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm NT4 chạy theo đường bờ biển xuống phía Nam đến khu vực sông Tắc, chạy theo đường bờ tả ngạn cửa sông Tắc đến hành lang an toàn phía hạ lưu cầu đường bộ Bình Tân tới điểm BT1 có tọa độ $12^{\circ}12'27,9''\text{N}$, $109^{\circ}11'18,8''\text{E}$ (theo quy định hiện hành về hành lang an toàn đường bộ), chạy dọc hành lang an toàn phía hạ lưu cầu Bình Tân sang đến đường bờ hữu ngạn của sông Tắc đến điểm BT2 có tọa độ $12^{\circ}12'18,4''\text{N}$, $109^{\circ}11'18,4''\text{E}$, chạy theo đường bờ sông về phía cửa sông Tắc, tiếp tục chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Nam tới điểm NT5.

Từ điểm NT7, chạy theo bờ phía Tây đảo Hòn Tre lên phía Bắc, qua mũi Nam, đến mũi Lang và nối với điểm NT1.

Phạm vi vùng nước cảng biển tại khu vực Bãi Bằng, Đảo Hòn Tre, thành phố Nha Trang:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng khép kín nối lần lượt các điểm M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7 có tọa độ sau đây:

M1: $12^{\circ}13'24,61''\text{N}$, $109^{\circ}19'13,52''\text{E}$;

M2: 12°13'40,15"N, 109°19'32,67"E;
 M3: 12°14'04,51"N, 109°19'53,75"E;
 M4: 12°13'51,01"N, 109°20'21,69"E;
 M5: 12°13'30,47"N, 109°20'35,24"E;
 M6: 12°13'05,09"N, 109°20'06,18"E;
 M7: 12°12'58,35"N, 109°19'52,52"E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm M7 chạy dọc theo đường bờ biển lên phía Bắc và nối với điểm M1.

c) Phạm vi vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại khu vực vịnh Cam Ranh:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8, C9, C10, C11 và C12 có tọa độ sau đây:

C1: 11°58'08,8"N, 109°12'24,9"E;
 C2: 11°56'51,3"N, 109°11'46,5"E;
 C3: 11°55'32,9"N, 109°11'30,6"E;
 C4: 11°54'40,8"N, 109°11'09,5"E;
 C5: 11°53'56,3"N, 109°10'27,8"E;
 C6: 11°52'56,7"N, 109°11'46,2"E;
 C7: 11°52'14,3"N, 109°12'13,5"E;
 C8: 11°51'40,2"N, 109°13'37,3"E;
 C9: 11°51'06,0"N, 109°13'16,0"E (Mũi Nam);
 C10: 11°50'34,0"N, 109°12'52,0"E;
 C11: 11°48'10,0"N, 109°13'46,0"E;
 C12: 11°46'54,0"N, 109°12'00,0"E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm C12 chạy dọc theo đường bờ biển lên phía Bắc qua mũi Bà Tiên và mũi Sộp, chạy theo đường bờ của vịnh Cam Ranh xuống phía Nam qua mũi Ong Định lên phía Bắc của vịnh đến hành lang an toàn cầu Long Hồ, chạy dọc hành lang an toàn cầu đến điểm giữa hành lang an toàn cầu Long Hồ và nối với điểm C1:

Trong phạm vi vùng nước khu vực bảo vệ và vành đai an toàn căn cứ quân sự Cam Ranh, các phương tiện hoạt động phải tuân theo Quy chế đảm bảo an ninh, an toàn Căn cứ quân sự Cam Ranh ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phạm vi vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại Trường Sa:

Phạm vi vùng nước cảng biển Trường Sa tại khu vực đảo Trường Sa lớn: Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm TS1, TS2, TS3, TS4, TS5 (hệ tọa độ WGS84) có tọa độ sau đây:

TS1: 08°38'10"N - 111°55'03"E;

TS2: $08^{\circ}38'40.3''\text{N} - 111^{\circ}55'35''\text{E}$;

TS3: $08^{\circ}39'19''\text{N} - 111^{\circ}55'53.7''\text{E}$;

TS4: $08^{\circ}39'31.8''\text{N} - 111^{\circ}55'11''\text{E}$;

TS5: $08^{\circ}38'18.5''\text{N} - 111^{\circ}54'43''\text{E}$.

Đối với các khu vực khác tại Trường Sa sẽ được công bố để phù hợp với tình hình thực tiễn, quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự PR1, PR2 và PR3, có tọa độ sau đây:

PR1: $11^{\circ}33'45,0''\text{N}, 109^{\circ}07'42,0''\text{E}$ (Mũi Hòn Đò);

PR2: $11^{\circ}29'09,0''\text{N}, 109^{\circ}05'54,0''\text{E}$;

PR3: $11^{\circ}29'09,0''\text{N}, 109^{\circ}00'48,0''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ điểm PR1 chạy dọc theo đường bờ biển của vịnh Phan Rang xuống phía Nam đến khu vực cửa luồng vào lạch Tri Hải (luồng vào bến cảng Ninh Chữ), chạy theo đường bờ tả ngạn lạch Tri Hải đến hành lang an toàn phía hạ lưu cầu đường bộ Ninh Chữ tại điểm NC1 có tọa độ $11^{\circ}35'33,40''\text{N}, 109^{\circ}02'52,20''\text{E}$ (theo quy định hiện hành về hành lang an toàn đường bộ), chạy dọc hành lang an toàn phía hạ lưu cầu Ninh Chữ sang đến bờ hữu ngạn của lạch Tri Hải đến điểm NC2 có tọa độ $11^{\circ}35'29,90''\text{N}, 109^{\circ}02'48,20''\text{E}$, chạy theo đường bờ về phía cửa lạch Tri Hải, tiếp tục chạy dọc theo đường bờ biển tới điểm SD1 có tọa độ $11^{\circ}32'16,10''\text{N}, 109^{\circ}01'44,30''\text{E}$ (phía bờ tả ngạn cửa sông Dinh).

Từ điểm SD1, chạy băng ngang cửa sông Dinh về phía bờ hữu ngạn và nối với điểm SD2 có tọa độ $11^{\circ}32'05,0''\text{N}, 109^{\circ}01'36,20''\text{E}$ (phía bờ hữu ngạn cửa sông Dinh). Từ điểm SD2, tiếp tục chạy dọc theo đường bờ biển của vịnh Phan Rang về phía Nam đến điểm PR3.

3. Ranh giới vùng nước cảng biển Khánh Hòa thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa và ranh giới vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được xác định trên các Hải đồ số I-1000-04 do Hải quân nhân dân Việt Nam tái bản năm 2001 và các Hải đồ số: VN300021, VN4BN001, VN4NT001, VN300020, VN3KH001 do Tổng công ty Bảo đảm An toàn hàng hải miền Nam xuất bản lần 1 năm 2016. Tọa độ các điểm quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ WGS 84 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ VN-2000 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời vùng nước cảng biển Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và quy định có liên quan của pháp luật đối với hoạt động hàng hải tại cảng biển, vùng nước cảng biển Khánh Hòa và vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Ninh Thuận

Ngoài phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Nha Trang có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trên vùng biển thuộc tỉnh Khánh Hòa và vùng biển thuộc tỉnh Ninh Thuận tính từ vĩ tuyến $11^{\circ}25'00,0''N$ trở lên hết vùng biển phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Bãi bỏ Thông tư số 20/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Khánh Hòa, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nha Trang, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản qpl (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Công



PHỤ LỤC
CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Tọa độ các điểm giới hạn ranh giới vùng nước cảng biển Khánh Hòa tại các khu vực: vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VP1	12°33'36,0"	109°26'00,0"	12°33'39,7"	109°25'53,6"
VP2	12°28'00,0"	109°26'00,0"	12°28'03,7"	109°25'53,6"
VP3	12°24'00,0"	109°20'30,0"	12°24'03,7"	109°20'23,6"
NT1	12°14'14,0"	109°16'00,0"	12°14'17,7"	109°15'53,6"
NT2	12°16'00,0"	109°13'42,0"	12°16'03,7"	109°13'35,6"
NT3	12°16'00,0"	109°13'04,0"	12°16'03,7"	109°12'57,6"
NT4	12°12'58,0"	109°12'32,0"	12°13'01,7"	109°12'25,6"
BT1	12°12'27,9"	109°11'18,8"	12°12'31,6"	109°11'12,4"
BT2	12°12'18,4"	109°11'18,4"	12°12'22,1"	109°11'12,0"
NT5	12°09'17,0"	109°13'21,0"	12°09'20,7"	109°13'14,6"
NT6	12°09'17,0"	109°16'48,0"	12°09'20,7"	109°16'41,6"
NT7	12°11'03,0"	109°16'48,0"	12°11'06,7"	109°16'41,6"
C1	11°58'08,8"	109°12'24,9"	11°58'12,5"	109°12'18,4"
C2	11°56'51,3"	109°11'46,5"	11°56'55,0"	109°11'40,0"
C3	11°55'32,9"	109°11'30,6"	11°55'36,6"	109°11'24,1"
C4	11°54'40,8"	109°11'09,5"	11°54'44,5"	109°11'03,0"
C5	11°53'56,3"	109°10'27,8"	11°54'00,0"	109°10'21,3"
C6	11°52'56,7"	109°11'46,2"	11°53'00,4"	109°11'39,7"
C7	11°52'14,3"	109°12'13,5"	11°52'18,0"	109°12'07,0"
C8	11°51'40,2"	109°13'37,3"	11°51'43,9"	109°13'30,9"
C9	11°51'06,0"	109°13'16,0"	11°51'09,7"	109°13'09,6"
C10	11°50'34,0"	109°12'52,0"	11°50'37,7"	109°12'45,6"
C11	11°48'10,0"	109°13'46,0"	11°48'13,7"	109°13'39,6"
C12	11°46'54,0"	109°12'00,0"	11°46'57,7"	109°11'53,5"
MI	12°13'24,61"	109°19'13,52"	12°13'28,33"	109°19'07,08"

M2	12°13'40,15"	109°19'32,67"	12°13'43,87"	109°19'26,24"
M3	12°14'04,51"	109°19'53,75"	12°14'08,23"	109°19'47,32"
M4	12°13'51,01"	109°20'21,69"	12°13'54,73"	109°20'15,26"
M5	12°13'30,47"	109°20'35,24"	12°13'34,19"	109°20'28,81"
M6	12°13'05,09"	109°20'06,18"	12°13'08,82"	109°19'59,75"
M7	12°12'58,35"	109°19'52,52"	12°13'02,08"	109°19'46,09"

2. Vùng nước cảng biển Trường Sa:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TS1	08°38'10"	111°55'03"	08°38'13,76"	111°54'56,69"
TS2	08°38'40,3"	111°55'35"	08°38'44,06"	111°55'28,69"
TS3	08°39'19"	111°55'53,7"	08°39'22,76"	111°55'47,39"
TS4	08°39'31,8"	111°55'11"	08°39'35,56"	111°55'04,69"
TS5	08°38'18,5"	111°54'43"	08°38'22,26"	111°54'36,69"

3. Tọa độ các điểm giới hạn ranh giới vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
PR1	11°33'45,0"	109°07'42,0"	11°33'48,7"	109°07'35,6"
PR2	11°29'09,0"	109°05'54,0"	11°29'12,7"	109°05'47,6"
PR3	11°29'09,0"	109°00'48,0"	11°29'12,7"	109°00'41,6"
NC1	11°35'33,40"	109°02'52,20"	11°35'37,1"	109°02'45,8"
NC2	11°35'29,90"	109°02'48,20"	11°35'33,6"	109°02'41,8"
SD1	11°32'16,10"	109°01'44,30"	11°32'19,8"	109°01'37,9"
SD2	11°32'05,0"	109°01'36,20"	11°32'08,7"	109°01'29,8"

4. Ranh giới quy định trách nhiệm quản lý về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Ninh Thuận (tính từ đường ranh giới về phía Bắc):

Ranh giới	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
	11°25'00,0"	-	11°25'03,7"	-